

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1486/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 22 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang
mục đích khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh; Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh; Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về Lâm nghiệp; Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 689/TTr-SNNMT ngày 02/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này ban hành đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến việc trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ là: 142.073.000 đồng/ha (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi hai triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là cơ sở để xác định số tiền tổ chức, cá nhân (chủ dự án) phải nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh khi không tự trồng rừng thay thế theo quy định và được xem xét điều chỉnh khi có quy định mới của cấp có thẩm quyền ban hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này; trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế đơn giá trồng rừng thay thế đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch trồng rừng thay thế hàng năm, phân bổ kinh phí cho các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh hoặc tổ chức, đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật để thực hiện việc trồng rừng thay thế theo quy định. Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả và tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành.

2. Sở Tài chính hướng dẫn, giám sát Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh và các đơn vị có liên quan trong việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí trồng rừng thay thế theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện trồng rừng thay thế trên địa bàn.

4. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh tổ chức tiếp nhận, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí trồng rừng thay thế theo quy định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt đơn giá đầu tư bình quân cho 01 ha rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Hòa Bình hết hiệu lực kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

1. Chủ dự án có Phương án trồng rừng thay thế đã được phê duyệt hoặc có văn bản chấp thuận việc nộp tiền trồng rừng thay thế của cơ quan có thẩm quyền trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo các Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt đơn giá đầu tư bình quân cho 01 ha rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Chủ dự án có phương án trồng rừng thay thế chưa được phê duyệt hoặc chưa có văn bản chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế của cơ quan có thẩm quyền trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Công Sứ